

Bản án số: **45/2018/HS-PT**

Ngày: 12-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Đinh Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **18/2018/HS-PT** ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo **Lê Từ T**. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **44/2017/HS-ST** ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Từ T** (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1983 tại huyện B, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ 11, khối Đ, phường CN, thành phố A, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ sơn nước; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn L**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960; có vợ là **Lê Thị Mai L1**, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 05/8/2004, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đưa đi giáo dưỡng thời hạn 1 năm về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành xong ngày 05/8/2005);

- Ngày 15/10/2007, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đưa đi giáo dưỡng thời hạn 2 năm về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành xong ngày 20/8/2009).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/5/2017, Đặng Minh T1 và Đặng Minh N1 mỗi người điều khiển xe mô tô từ nhà sang khu vực khối Đ, phường CN, thành phố A để tìm bắt Cóc. Khi đến khu vực sân vận động CN (*thuộc tổ 12, khối Đ*) thì T1 và N1 chia nhau mỗi người đi mỗi hướng. T1 dựng xe mô tô biển kiểm soát 43S8-9075 tại khu vực bãi đất trống gần ngã ba đường T2 giao nhau với đường chưa có tên (*thuộc tổ 11, khối Đ*) rồi đi xuống khu vực Hồ Tôm của ông Lê Công P, dùng đèn pin rọi quanh bờ Hồ Tôm để tìm Cóc. Lúc này, ông P đang trông giữ Hồ, thấy ánh đèn pin của T1 nên đến yêu cầu T1 đi chỗ khác và không được rọi đèn pin xuống Hồ nữa. T1 vẫn không nghe nên giữa T1 và ông P xảy ra xô xát. T1 gọi N1 đến rồi cả hai đi bộ về nơi để xe mô tô. Ông P đi theo phía sau T1 và N1, đồng thời dùng điện thoại gọi cho con rể là Lê Từ T nói mình bị những người bắt Cóc đánh với mục đích T ra giữ chân T1, N1 lại để báo Công an phường CN. Nghe vậy, T từ nhà của mình cầm 01 ống tuýp tròn bằng inox, dài khoảng 1,2 mét, đường kính khoảng 2,5 cen-ti-mét (*dùng làm cán cờ*) chạy đến chỗ ông P xem thử có việc gì. Khi đến đoạn gần nhà ông Tr (*thuộc tổ 12, khối Đ*), T gặp T1, N1 và ông P. Thấy T cầm 01 đoạn cây dài khoảng 01m, hình tròn nên T1 và N1 rút từ hàng rào nhà ông Tr, mỗi người 01 đoạn cây tre để phòng thân, ông P đi phía sau lấy 01 cái cuốc (loại cuốc làm vườn) của nhà ông Tr cầm trên tay. Lúc này, T lấy đèn pin của ông P soi vào mặt T1 và N1 rồi nói: “*Tao thấy mi quen quen, thôi mi bỏ cây xuống rồi nói chuyện*”. Tin lời T, N1 bỏ đoạn cây tre xuống đất. T soi đèn pin vào mặt ông P, thấy mặt ông P bị sưng nên bực tức xông vào N1, dùng đoạn tuýp đánh vào đầu N1 01 cái làm N1 khụy xuống đường. T tiếp tục đánh vào mặt N1 01 cái nữa. N1 vùng dậy bỏ chạy về nhà. Thấy N1 bị đánh, T1 cầm đoạn tre trên tay đánh vào mặt T 01 cái làm đoạn tre bị gãy. Ông P từ phía sau dùng cuốc bở (mổ) vào người T1, nhưng T1 tránh được làm lưỡi cuốc cắm xuống đất nên ông P không kéo lên được. T1 xông vào giật cuốc của ông P ném sang một bên rồi bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, T1 bị một số đối tượng không rõ lai lịch ném đá trúng vào vùng vai và cổ, nhưng chỉ gây xây xát ngoài da. Đối với N1, khi bỏ chạy bị 02 đối tượng không rõ lai lịch ném tuýp sắt trúng vào chân nhưng không gây thương tích. Sau khi T1 và N1 bỏ chạy, T đi tìm nhưng không thấy. Khi đến nơi T1 để xe mô tô biển kiểm soát 43S8-9075, T lấy quẹt ga bật lửa kê sát vào bình xăng con và nói: “*Tụi bây không ra tao đốt xe nè*” với mục đích dọa để T1 và N1 xuất hiện. Tuy nhiên, do bất cẩn nên xe của T1 bén lửa bốc cháy. T tìm cách dập lửa nhưng không được nên xe mô tô 43S8-9075 bị cháy chỉ còn lại khung xe. Nhận được tin báo của quần chúng, Công an phường CN đến lập biên bản sự việc.

Tại Bản giám định thương tích số 225/GĐTT.17 ngày 09/8/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận tỷ lệ thương tích của Đặng Minh N1 là 15% (*mười lăm phần trăm*).

Theo kết luận định giá tài sản số 49/KL-ĐGTS ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố A xác định giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu KORESIAM, biển kiểm soát 43S8-9075 khi chưa bị đốt cháy là 1.900.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số **44/2017/HS-ST** ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Lê Từ T** phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng: khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (*khóa XIV*) về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Từ T 15 (Mười lăm)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 07/12/2017, bị cáo Lê Từ T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo Lê Từ T đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ 15% nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt 15 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, mức án thấp dưới khung hình phạt mà điều luật quy định. Do không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới và bị cáo có nhân thân không tốt, đã 02 lần bị đưa đi giáo dục về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Bị cáo không tranh luận, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Từ T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định Pháp y và các chứng cứ tài liệu do cơ quan điều tra thu thập, chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào đêm ngày 18/5/2017, tại tổ 12, khối Đ, phường N, thành phố A, khi thấy ông Lê Công P là cha vợ của mình bị thương tích ở vùng mặt do xô xát với anh Đặng Minh T1, bị cáo đã dùng đoạn tuýp bằng Inox đánh vào vùng mặt và đầu anh Đặng Minh N1 là người đi cùng với anh T1, gây thương tích cho anh N1 với tỷ lệ là 15% và phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm nên bản án hình sự sơ thẩm số **44/2017/HS-ST** ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh

Quảng Nam đã kết án bị cáo Lê Từ T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Lê Từ T 15 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, mức án thấp dưới khung hình phạt mà điều luật quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi hai con ăn học và vợ bị thương tật do tai nạn giao thông (*có xác nhận của UBND phường CN, thành phố A và Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố N2*), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân không tốt, đã 02 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội có tính chất nghiêm trọng hơn và cùng thời điểm phạm tội bị cáo còn có hành vi hủy hoại tài sản của người khác bị xử lý hành chính nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Từ T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Từ T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Từ T 15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2/ Bị cáo Lê Từ T phải chịu 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/3/2018.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thế Cẩm

